

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu
quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ báo
cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định chế độ báo cáo định kỳ
phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định
kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng
4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chế độ báo cáo định
kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng cơ quan,
ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT UBND TPCT;
- Cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng
trên địa bàn TPCT;
- Công báo TPCT, Cổng TTĐT TPCT;
- Lưu: VT. HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Quy định này không điều chỉnh đối với:
 - Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;
 - Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;
 - Chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước;
 - Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

- Việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phải tuân thủ nguyên tắc chủ động, chính xác, kịp thời, trung thực và khách quan; đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và thuận lợi cho việc tổng hợp, phân tích, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.
- Nguyên tắc ban hành chế độ báo cáo định kỳ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo

Việc ban hành chế độ báo cáo định kỳ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, phù hợp với yêu cầu quản lý, công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật có liên quan;

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo

a) Báo cáo được thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua Hệ thống thông tin báo cáo thành phố;

b) Trường hợp Hệ thống thông tin báo cáo gặp sự cố kỹ thuật, cơ quan, đơn vị có thể tạm thời gửi báo cáo qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thành phố, hoặc bằng văn bản giấy, hoặc qua thư điện tử có ký số; sau đó, cập nhật lên hệ thống khi hoạt động trở lại.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Thời gian chốt số liệu của báo cáo định kỳ được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo

1. Thời hạn gửi đối với báo cáo hằng tháng, hằng quý, định kỳ 6 tháng, hằng năm như sau:

a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 20 trong tháng;

b) Báo cáo định kỳ hằng quý: Gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng cuối quý;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 hằng năm;

d) Báo cáo định kỳ hằng năm: Gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 12.

2. Đối với các báo cáo có quy định thời hạn cụ thể khác thì thực hiện theo quy định đối với báo cáo đó.

3. Trường hợp ngày gửi trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì được gửi vào ngày làm việc liền kề sau đó.

Điều 7. Danh mục báo cáo và hình thức công bố

1. Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố được công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố.

2. Việc công bố, công khai danh mục báo cáo định kỳ được thể hiện bằng Quyết định công bố của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 8. Nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin

1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu và bảo mật thông tin.
2. Hệ thống thông tin báo cáo thành phố là nền tảng thống nhất để tiếp nhận, xử lý, tổng hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.
3. Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp, cập nhật, chia sẻ dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố, bảo đảm thống nhất với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.
4. Việc quản lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu báo cáo điện tử thực hiện theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, an toàn thông tin mạng, dữ liệu số và các quy định có liên quan.

Điều 9. Yêu cầu đối với Hệ thống thông tin báo cáo thành phố

1. Tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu báo cáo giữa các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.
2. Kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.
3. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, phân quyền người dùng, quản lý truy cập dữ liệu theo cấp độ bảo mật.
4. Có khả năng lưu trữ, tra cứu, thống kê, tổng hợp, phân tích dữ liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm điều kiện kỹ thuật, kinh phí và nhân lực phục vụ vận hành Hệ thống thông tin báo cáo.
2. Khuyến khích việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, công nghệ số tiên tiến trong thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương IV

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 11. Quyền, trách nhiệm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố

1. Truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố trong phạm vi được phân quyền để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tổng hợp và báo cáo chuyên đề theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa nội dung, biểu mẫu, kỳ hạn báo cáo khi phát hiện trùng lặp, bất cập hoặc không còn phù hợp với thực tế quản lý của ngành, lĩnh vực.

Điều 12. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo

Việc công khai, chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này và các quy định liên quan.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố Danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử thành phố;

b) Theo dõi, đôn đốc sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trong thực hiện Quy định này;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc thực hiện chế độ báo cáo được áp dụng theo quy định tại văn bản mới.